

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 63/2022/DS-PT
Ngày 09-11-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Hồ Điệp

Bà Nguyễn Minh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Huy Th, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1961, nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Đoàn Thị Ch, sinh năm 1959, nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Huy Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông có vợ là Phạm Thị T. Ông Phạm Huy Th có vợ là Đoàn Thị Ch. Do có quan hệ hàng xóm nên tháng 7 năm 2012 ông Đ cho ông Th vay tổng số tiền 129.757.000 đồng, thông qua hai lần vay, mỗi lần cách nhau khoảng 02 tháng nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Sau đó ông Đ có lập Giấy vay tiền ghi rõ số tiền cho vay, thời hạn trả nợ là ngày 01/12/2012 và có chữ ký xác nhận của ông Đ, ông Th. Nguồn gốc số tiền cho ông Th vay là tiền vốn kinh doanh của hàng tạp hóa của vợ chồng ông Đ. Tính đến tháng 6 năm 2019, vợ chồng ông Th đã trả ông Đ được tổng số tiền 42.474.000 đồng, trong đó bà Chuận trả 04 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng; ông Th trả 01 lần được số tiền 7.474.000 đồng, còn nợ 87.283.000 đồng. Từ đó đến nay, ông Th không trả nợ mặc dù vợ chồng ông Đ đòi nhiều lần.

Nay, ông Đ khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Th phải trả ông Đ số tiền 87.283.000 đồng, không yêu cầu ông Th trả tiền lãi.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Năm 2013, ông hỏi vay ông Đ thóc, ông Đ đồng ý cho ông vay thóc quy đổi thành tiền. Cụ thể vay 03 lần, giá thóc tại các thời điểm vay là 250.000 đồng/100kg: Lần 1 vay 1.250.000 đồng tương đương 500kg thóc; lần 2 vay 2.500.000 đồng tương đương 1.000kg thóc; lần 3 vay 500.000 đồng tương đương 200kg thóc; tổng 3 lần vay là 1.700kg thóc quy đổi thành tiền tại thời điểm đó là 4.250.000 đồng. Cả 3 lần vay thóc đều diễn ra trong năm 2013 nhưng ông không nhớ cụ thể thời gian. Khi vay, các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản, cũng không có người làm chứng. Bà Tuyết trực tiếp đưa tiền cho ông 2 lần đầu, lần thứ 3 ông Đ trực tiếp đưa tiền cho ông. Vợ ông không biết việc ông vay nợ ông Đ. Tiền lãi theo thỏa thuận là 100.000 đồng/1 tạ thóc/6 tháng; theo đó mỗi năm ông phải trả ông Đ 3.400.000 đồng tiền lãi $[1.700\text{kg} \times 100.000 \times (12:6)]$. Tính đến năm 2021 được 08 năm, ông phải trả ông Đ 27.200.000 đồng tiền lãi $(3.400.000 \times 8)$. Tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả ông Đ là 31.450.000 đồng $(4.250.000 + 27.200.000)$. Ông sử dụng tiền vay vào việc ứng trả tiền công thợ xây cầu, cống, đường thôn là các công trình công cộng của thôn X (vì thời điểm đó ông làm trưởng thôn). Tuy nhiên, khi nhận được tiền từ Ngân sách nhà nước chuyển về thì ông chi tiêu cá nhân hết nên không trả được nợ cho ông Đ. Do vợ chồng ông Đ nhiều lần đến nhà ông đòi nợ nên bà Chuận biết, đã nhiều lần thay ông trả tiền ông Đ nhưng ông không nhớ thời gian cụ thể. Tổng số tiền bà Chuận đã trả ông Đ là 35.000.000 đồng như trình bày của ông Đ; số tiền này là tài sản chung của vợ chồng ông. Ngoài ra, ông trực tiếp trả ông Đ 17.474.000 đồng vào ngày 29/6/2019, thông qua hình thức khấu trừ nợ. Thực chất số tiền này là tiền quỹ và tiền làm đường nội đồng của thôn, do không làm trưởng thôn nữa nên ông Đ phải bàn giao cho ông khi ông trúng cử trưởng thôn. Vì ông còn nợ tiền ông Đ nên ông Đ không bàn giao tiền mặt mà trừ vào số tiền ông nợ ông Đ. Việc bàn giao có sự tham gia của Bí thư, phó Bí thư Chi bộ thôn X; tuy nhiên những người này không biết việc vay nợ, khấu trừ nợ giữa ông với ông Đ;

biên bản bàn giao cũng không thể hiện các nội dung này. Tổng số tiền vợ chồng ông đã trả ông Đ là 52.474.000 đồng. Quá trình trả nợ, vợ chồng ông đã đề nghị vợ chồng ông Đ chốt nợ với nội dung ông nợ ông Đ 60.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông Đ không đồng ý. Năm 2019, ông Đ đến nhà ông đòi nợ đã viết giấy vay tiền, đe dọa thuê xã hội đen, ép ông ký giấy vay tiền với số tiền vay là 129.757.000 đồng. Vì ông bị ép ký xác nhận nên giấy vay tiền do ông Đ lập là không đúng. Ông Đ không thể có số tiền lớn như vậy để cho ông vay. Mặt khác, giấy vay tiền viết năm 2019 nhưng hạn trả nợ lại là ngày 01/12/2012; năm 2013 ông vay tiền ông Đ nhưng hạn trả nợ năm 2012 là vô lý. Ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị ông Đ đe dọa, thuê xã hội đen ép ký giấy vay tiền. Chữ ký, chữ viết người vay trong giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông, do ông bị ông Đ ép, đe dọa viết, ký. Ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông trong tài liệu này. Giấy cam kết trả nợ ngày 29/6/2019 do ông tự nguyện viết ra và ký xác nhận khi ông Đ đến nhà ông đòi nợ; nội dung xác nhận việc ông đã trả ông Đ 17.474.000 đồng, tài liệu này do ông Đ giữ.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông trả nợ số tiền 87.283.000 đồng, ông không đồng ý vì ông chỉ nợ ông Đ số tiền cả gốc và lãi là 31.450.000 đồng, đã trả 52.474.000 đồng là đã trả thừa ông Đ 21.024.000 đồng. Vì không có tài liệu chứng minh việc trả thừa tiền nên ông không yêu cầu ông Đ hoàn trả số tiền đã trả thừa.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đoàn Thị Ch: Bà không có họ hàng thân thích hoặc mâu thuẫn với vợ chồng ông Đ. Khoảng năm 2019, sau khi ông Th thay ông Đ làm trưởng thôn X, vợ chồng ông Đ nhiều lần đến nhà đòi tiền ông Th nên bà mới biết việc ông Th vay tiền ông Đ, tuy nhiên bà không biết số tiền vay. Ông Th không mang số tiền vay ông Đ về chi tiêu cho gia đình. Vì ông Th không trả được nợ nên bà đã trả nợ thay ông Th số tiền 35.000.000 đồng (trả nhiều lần và không nhớ thời gian cụ thể). Ngoài ra bà có nghe ông Th nói về việc ông đã trực tiếp trả ông Đ một số tiền nhưng không nói cụ thể số tiền đã trả; sau này được vợ chồng ông Đ thông báo bà mới biết số tiền ông Th trực tiếp trả ông Đ là 7.474.000 đồng. Quá trình trả nợ thay ông Th, bà có đề nghị vợ chồng ông Đ chốt nợ với nội dung ông Th nợ 60.000.000 đồng, đã trả 42.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông Đ không đồng ý. Việc bà trả nợ thay ông Th và đề nghị chốt nợ đều không được lập thành văn bản, không có người làm chứng.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị T: Bà là hàng xóm và không có mâu thuẫn với vợ chồng ông Th. Do ông Đ không bàn bạc với bà việc ông Đ cho ông Th vay tiền nên bà không biết. Tuy nhiên, khi ông Đ đòi nợ nhiều lần, ông Th không trả, ông Đ có nhờ bà đến nhà ông Th đòi nợ hộ và được ông Đ đưa cho xem giấy vay tiền, bà mới biết ông Đ cho ông Th vay số tiền 129.757.000 đồng, thoả thuận trả nợ vào ngày 01/12/2012. Thời điểm vay tiền ông Đ, ông Th đang làm Trưởng thôn X, ông Th nói góp vốn

với hợp tác xã làm cầu cống, nếu làm ăn có lãi sẽ trả ông Đ tiền lãi. Số tiền cho ông Th vay là tiền do ông Đ kinh doanh quán tạp hoá mà có, trong đó có một phần là tiền chung của vợ chồng. Việc trả nợ của ông Th diễn ra khoảng năm 2018, 2019; do ông Đ không có ở nhà nên bà nhận tiền vợ chồng ông Th trả 04 lần với số tiền 35.000.000 đồng (trong đó lần 1 nhận 5.000.000 đồng, lần 2 nhận 5.000.000 đồng, lần 3 nhận 15.000.000 đồng, lần 4 nhận 10.000.000 đồng). Ngoài ra, ông Đ có thông báo cho bà biết về việc có một lần ông Th trả ông Đ số tiền 7.474.000 đồng nhưng không rõ thời gian trả nợ. Khi trả nợ ông Đ 7.474.000 đồng, ông Th có viết văn bản cam kết trả nợ nhưng không có người chứng kiến; các lần trả nợ còn lại đều không lập thành văn bản, không có ai chứng kiến. Có việc vợ chồng ông Th đề nghị chốt nợ số tiền 60.000.000 đồng nhưng vì ông Th còn nợ số tiền nhiều hơn 60.000.000 đồng nên vợ chồng bà không đồng ý. Ông Đ cho ông Th vay tiền mặt, không cho vay thóc; không có việc ông Đ ép buộc, đe dọa ông Th ký giấy vay tiền như ông Th khai. Vì ông Th mới trả được một phần nên bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông Th phải trả ông Đ số tiền còn thiếu theo yêu cầu của ông Đ.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào các điều 154, 157, 429, 463, 466, khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 357, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ: Buộc Ông Phạm Huy Th phải trả Ông Nguyễn Văn Đ số tiền nợ gốc là 77.283.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu ông Th phải trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với Ông Nguyễn Văn Đ và Ông Phạm Huy Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất nếu chậm thi hành án; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 9 năm 2022, Ông Phạm Huy Th là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, xử bác toàn bộ yêu cầu của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với phán quyết tại bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bị đơn vay ông Đ thóc và quy đổi thành tiền tại thời điểm đó là 4.250.000 đồng không phải vay số tiền 129.757.000 đồng; về chữ ký trong Giấy vay tiền đúng là chữ ký của bị đơn nhưng do bị nguyên đơn ép ký. Ngoài ra, Giấy vay tiền không ghi ngày tháng năm nên không có giá trị và bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, miễn án phí cho bị đơn vì bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Đây là tranh chấp về kiện đòi tiền, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn quy định.

[2] Về pháp luật áp dụng, thời hiệu khởi kiện: Giao dịch theo Giấy vay tiền ghi thời hạn trả nợ đến ngày 01/12/2012 là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì đối với giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này, do đó áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về thỏa thuận vay nợ: Căn cứ lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ về vụ việc, xác định: Mặc dù ông Th không thừa nhận việc vay nợ ông Đ, nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông Th thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông trong Giấy vay tiền và thực tế ông Th có trả tiền cho ông Đ. Do vậy, về thời điểm cho vay và thời điểm lập Giấy vay tiền vào năm 2012 là có căn cứ và xác định ông Đ đã cho ông Th vay số tiền cho vay là 129.757.000 đồng, không có thỏa thuận về lãi, thời điểm vay nợ trước ngày 01/12/2012, thời hạn trả nợ đến ngày 01/12/2012. Thỏa thuận vay tài sản được các bên ký kết thuộc loại hợp đồng có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản

1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, thỏa thuận vay tiền giữa ông Đ và ông Th có hiệu lực pháp luật, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết. Không có tài liệu chứng cứ chứng minh ông Th bị ông Đ đe dọa, ép buộc ký vào giấy vay tiền. Không đủ cơ sở xác định có việc ông Đ cho ông Th vay tiền quy đổi thành thóc hoặc vay thóc quy đổi thành tiền, có lãi, số tiền vay cả gốc và lãi là 31.450.000 đồng. Các nhận định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về việc trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự cùng xác nhận, vợ ông Th đã trả nợ ông Đ số tiền 35.000.000 đồng, do bà Chuận trực tiếp trả bà Tuyết 4 lần. Văn bản cam kết ngày 29/6/2019 có nội dung xác nhận việc ông Th đã trả ông Đ 17.474.000 đồng. Lời khai của ông Th về việc ông đã trả ông Đ 17.474.000 đồng vào ngày 29/6/2019 phù hợp với tài liệu, chứng cứ là văn bản cam kết do ông Đ giao nộp. Do đó, có đủ cơ sở xác định, số tiền ông Th đã trả ông Đ vào ngày 29/6/2019 là 17.474.000 đồng mà không phải 7.474.000 đồng như quan điểm của ông Đ. Vậy, tổng số tiền vợ chồng ông Th đã trả ông Đ là 52.474.000 đồng (trong đó, bà Chuận trả 35.000.000 đồng, ông Th trả 17.474.000 đồng). Đối trừ, ông Th còn nợ ông Đ 77.283.000 đồng (129.757.000 – 52.474.000). Do đó, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên bị đơn là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị đơn.

[6] Trong vụ án này: Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không yêu cầu ông Th phải trả tiền lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Phạm Huy Th.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh sơn